

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi và quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2592/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Đồng Nai tại Tờ trình số 4817/TTr-SGTVT ngày 04/8/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ và quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Đồng Nai.

Trong đó: Ban hành mới 01 thủ tục hành chính; sửa đổi 02 thủ tục hành chính (thủ tục số 04, 05 - Mục I. Lĩnh vực đường bộ) đã được ban hành tại Quyết

định số 558/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Đồng Nai (*danh mục, nội dung và lưu đồ đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác tại Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai nội dung các thủ tục này tại trụ sở làm việc, tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cập nhật nội dung đối với các thủ tục hành chính được ban hành mới; điều chỉnh nội dung đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi trên Phần mềm Một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Trung tâm Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.

CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2916 /QĐ-UBND ngày 14/8/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang
Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
Lĩnh vực đường bộ			
1	1.002835	Cấp mới Giấy phép lái xe	02

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang
Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
Lĩnh vực đường bộ			
1	1.002796	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	08
2	1.002793	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	08

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Cấp mới Giấy phép lái xe

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân học lái xe lần đầu, học lái xe nâng hạng nộp hồ sơ dự học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe tại cơ sở được phép đào tạo lái xe;
- Bước 2: Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo theo chương trình quy định và tổ chức thi tốt nghiệp cấp chứng chỉ sơ cấp nghề;
- Bước 3: Cơ sở đào tạo nộp hồ sơ, danh sách đăng ký thí sinh dự thi (báo cáo 2) về Sở Giao thông vận tải;
- Bước 4: Sở Giao thông vận tải tổ chức kỳ sát hạch, sau khi kết thúc kỳ sát hạch Sở ra quyết định công nhận trúng tuyển;
- Bước 5: Cấp Giấy phép lái xe không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

b) Cách thức thực hiện:

- Cá nhân: Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Cơ sở đào tạo lái xe.
- Cơ sở đào tạo: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ chia làm 02 trường hợp:

- Hồ sơ do người học lái xe nộp cho Cơ sở đào tạo lái xe:

* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu:

- + Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu (Phụ lục 7);
- + Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- + Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;
- + Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

* Đối với người dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F:

- + Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu (Phụ lục 7);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

+ Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu (Phụ lục 8) và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);

+ Bản sao giấy phép lái xe (xuất trình bản chính khi dự sát hạch).

*** Đối với Người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ văn hóa thấp học lái xe mô tô hạng A1**

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu (Phụ lục 7);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

+ Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú, xác nhận là người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ văn hóa thấp.

- Hồ sơ do Cơ sở đào tạo lái xe nộp cho Sở Giao thông vận tải:

*** Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu:**

+ Hồ sơ của người học lái xe;

+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

*** Đối với người dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F:**

+ Hồ sơ của người học nâng hạng Giấy phép lái xe;

+ Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

*** Đối với Người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ văn hóa thấp học lái xe mô tô hạng A1**

+ Hồ sơ của người học lái xe;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **10** ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đào tạo.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành theo Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành theo Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: các Cơ sở đào tạo lái xe.

h) Phí:

- Học phí: Thu theo mức thu của từng Cơ sở đào tạo lái xe.

- Lệ phí: Thu theo quy định tại Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lái xe.

- Thời hạn của Giấy phép lái xe:

+ Giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 không có thời hạn.

+ Giấy phép lái xe hạng B1 cấp cho người lái xe có thời hạn đến đủ 55 tuổi đối với nữ và đến đủ 60 tuổi đối với nam; trong trường hợp người lái xe trên 45 tuổi đối với nữ và trên 50 tuổi đối với nam thì giấy phép lái xe được cấp có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.

+ Giấy phép lái xe hạng A4, B2 có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.

+ Giấy phép lái xe hạng C, D, E, FB2, FC, FD, FE có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

- Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định; đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe, có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định.

- Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn như sau:

+ Hạng B1 số tự động lên B1: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Hạng B1 lên B2: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Hạng B2 lên C, C lên D, D lên E; các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng; các hạng D, E lên FC: thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Hạng B2 lên D, C lên E: thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên.

+ Trường hợp người học nâng hạng vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, thời gian lái xe an toàn được tính từ ngày chấp hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT- BYT- BGTVT ngày 21/08/2015 Quy định về Tiêu chuẩn sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và Quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu

Phụ lục 7

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT

ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
chụp không
quá 06 tháng

Kính gửi:.....

Tôi là:.....Quốc tịch.....

Sinh ngày: /..... / Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):.....Cấp ngày: /..... /, Nơi cấp:

Đã có giấy phép lái xe số:.....hạng.....

do:..... cấp ngày: /..... /

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch đề cấp giấy phép lái xe hạng:

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe ☐

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);
- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu

Phụ lục 8

MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT
ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:

Sinh ngày: / / Nam, Nữ:

Nơi cư trú:

Có giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân số:

Cấp ngày: / /, nơi cấp:

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:, hạng
do: cấp ngày: / /

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có năm lái xe và có
.....km lái xe an toàn.

Đề nghị cho tôi được dự sát hạch
nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ, tên)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp

Nội dung sửa đổi: Bổ sung thành phần hồ sơ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu Phụ lục 19 (đối với người Việt nam) và phụ lục 20 (đối với người nước ngoài);

+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; *đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định.*

+ Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu)

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) *(photo kèm theo 01 bộ để lưu trữ).*

2. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam

Nội dung sửa đổi: Bổ sung thành phần hồ sơ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; *trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi GPLX có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp GPLX tại Việt Nam xác minh.*

+ Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu)

Phần III

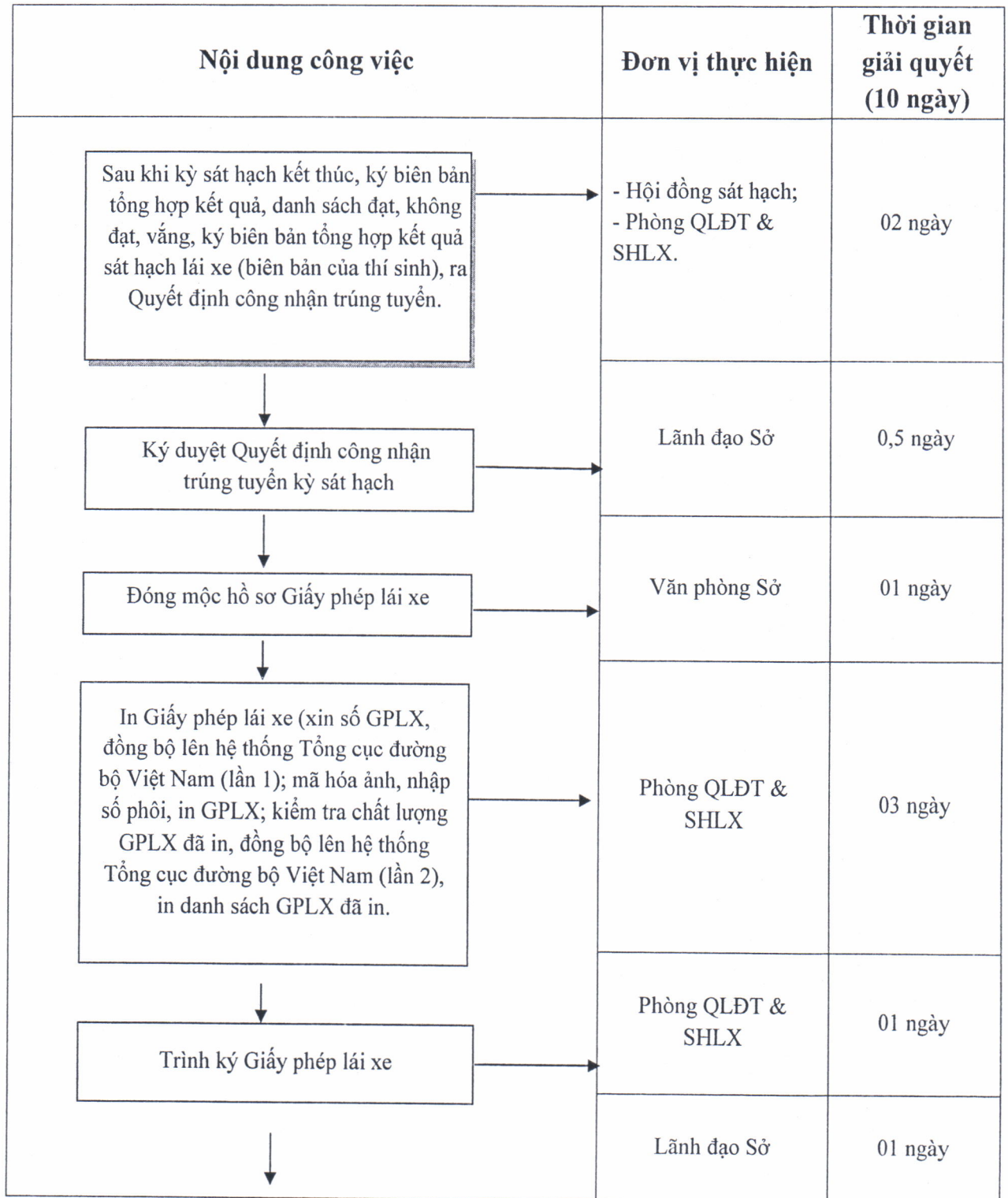
LƯU ĐỒ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

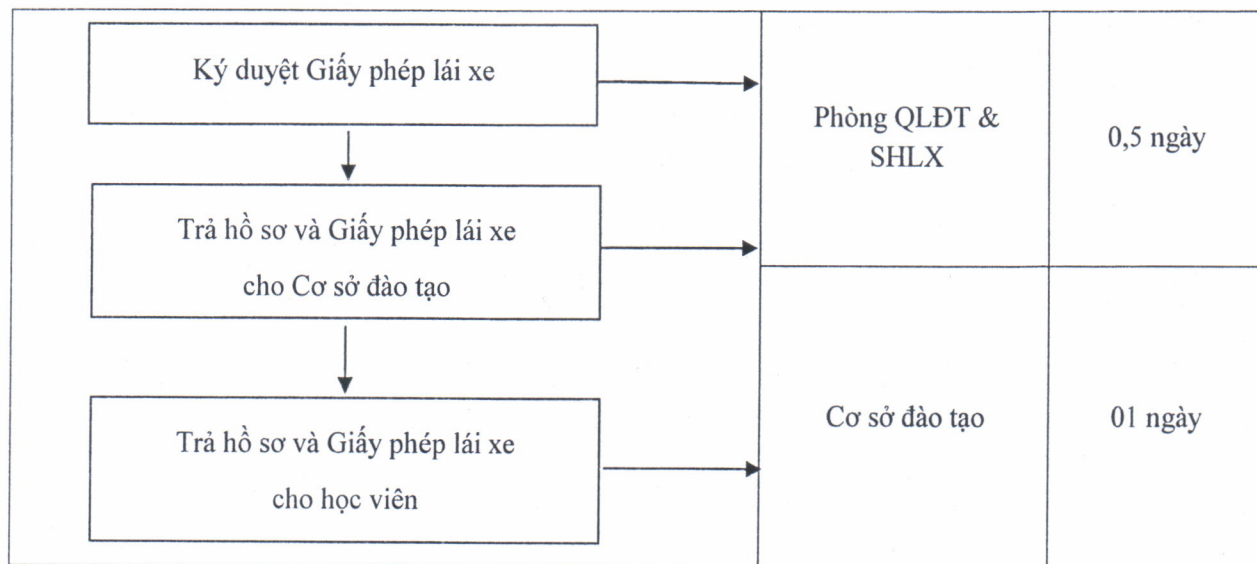
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục Cấp mới Giấy phép lái xe.

a) Thời hạn giải quyết: không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

b) Lưu đồ giải quyết:





ĐỒNG